

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2022/HNGĐ - ST

Ngày 12-8-2022

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Phương Quyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Hùng Bích

Bà Lê Thị T Vân

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Xuân Bích – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:*** Ông Dương Chí T – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 295/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 270/2022/QDST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

***- Ng đơn:*** Ông Lê Hoàng T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số 24/28, khóm Trung Thạnh, phường Mỹ Th, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – Vắng mặt (Ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 22 tháng 6 năm 2022).

***- Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số 24/28, khóm Trung Thạnh, phường Mỹ Th, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/01/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, Ng đơn ông Lê Hoàng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà T do quen biết, tìm hiểu nhau trước đã cả hai đã tự nguyện tiến đến hôn nhân không có đăng ký kết. Sau khi sống chung, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, Ng nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, cả hai đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả nên ông T yêu cầu ly hôn với bà T.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Lê Hoàng K, sinh ngày 07/01/2004 và Lê Hoàng Ng, sinh ngày 27/11/2017, hiện tại cháu K đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không xét đến, sau khi ly hôn ông T yêu cầu được nuôi cháu Ng và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông, bà không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 29/5/2018 và biên bản hòa giải ngày 09/7/2018 bà T trình bày:*

Về hôn nhân: Thống nhất theo lời trình bày của ông T về thời gian sống chung, Ng nhân phát sinh mâu thuẫn cũng như việc chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật như ông T trình bày. Nay qua yêu cầu của ông T thì bà đồng ý ly hôn, vì nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thái An, sinh ngày 28/11/2013. Sau khi có Quyết định không công nhận vợ chồng thì bà đồng ý để ông T được nuôi con và bà không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm:*

Ng đơn ông Lê Hoàng T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện với bà T. Về con chung ông yêu cầu được nuôi cháu Ng và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T vắng mặt tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa ông T với bà T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Ông T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên nên ông T khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không lý do nên căn cứ theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt.

[2] Về hôn nhân: Giữa ông T và bà T đã tự nguyện tiến đến hôn nhân và chung sống với nhau như vợ chồng, ông T cho rằng đã có đăng ký kết hôn tại UBND phường Mỹ Thới, nhưng sau khi xác minh với UBND phường Mỹ Thới thì ông T và bà T không đăng ký kết hôn. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét đến mâu thuẫn trong hôn nhân nhân mà căn cứ vào các Điều 8, Điều 9 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận ông T với bà T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Lê Hoàng K, sinh ngày 07/01/2004 và Lê Hoàng Ng, sinh ngày 27/11/2017. Hiện cháu K đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét đến, ông T xin được tiếp tục cháu Ng chưa đủ tuổi vị thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án bà T vắng mặt nên không đưa ra ý kiến gì về việc ông T nuôi cháu Ng. Việc thỏa thuận này phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông T, cùng các thành viên gia đình ông T không được cản trở bà T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông T không yêu cầu nên Tòa án không xét đến.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: bà ông trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Lê Hoàng T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Ông T, bà T được quyền kháng cáo trong theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 14; Điều 15; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

### **\* Tuyên Xử :**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Hoàng T và bà Nguyễn Thị Bích T.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Lê Hoàng K, sinh ngày 07/01/2004 và Lê Hoàng Ng, sinh ngày 27/11/2017. Hiện cháu K đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét đến. Giao con chung Lê Hoàng Ng, sinh ngày 27/11/2017 cho ông Lê Hoàng T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T và các thành viên gia đình ông T không được cản trở bà T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án: Ông Lê Hoàng T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 0000997 ngày 22/2/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

[6] Về quyền kháng cáo: Ông Lê Hoàng T được quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Thị Bích T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án dân sự)*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự
- THA TPLX;
- VKS TPLX
- TAND tỉnh An Giang;
- UBND phường Mỹ Phước;
- Lưu hồ sơ + VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Phương Quyền**